

CHUYỂN BIẾN TƯ TƯỞNG TRONG TRÍ THỨC YÊU NƯỚC NAM KỲ BA MƯƠI NĂM ĐẦU THẾ KỶ XX

*Ideological changes in patriotic intellectuals of Southern Vietnam during the first
thirty years of the 20th century*

Trần Thị Ánh

Trường Đại học Sài Gòn

TÓM TẮT

Đầu thế kỷ XX, sự xác lập nền giáo dục Pháp - Việt góp phần hình thành đội ngũ trí thức tân học ở Nam Kỳ. Trước sự du nhập mạnh mẽ của làn sóng tư tưởng dân chủ tư sản và quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào Việt Nam, nhận thức, tư tưởng của trí thức yêu nước Nam Kỳ (bao gồm trí thức cựu học cấp tiến và trí thức tân học) đã có sự chuyển biến tích cực. Họ tham gia khởi xướng, lãnh đạo phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp với nhiều hình thức phong phú, làm cho phong trào yêu nước và phong trào cách mạng Việt Nam trong ba mươi năm đầu thế kỷ XX có sự chuyển biến mạnh mẽ về chất, góp phần đưa đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam - chính đảng duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam theo con đường vô sản.

Từ khóa: Trí thức Nam Kỳ, ba mươi năm đầu thế kỷ XX, tư tưởng, dân chủ tư sản, vô sản.

ABSTRACT

At the beginning of the 20th century, the establishment of the French-Vietnamese education system contributed to the formation of a new intellectual class in Southern Vietnam. In response to the strong influence of bourgeois democratic ideas and the spread of Marxism-Leninism into Vietnam, the awareness and ideologies of patriotic intellectuals in Southern Vietnam (including both progressive former scholars and new intellectuals) underwent positive changes. They actively participated in initiating and leading the movement against French colonialism through various forms, which strengthened the patriotic and revolutionary movements in Vietnam during the first three decades of the 20th century. This transformation played a crucial role in the founding of the Communist Party of Vietnam, the only political party to lead the Vietnamese revolution along the path of proletarian socialism.

Keywords: Southern Vietnamese intellectuals, first thirty years of the 20th century, ideology, bourgeois democracy, proletariat.

1. Đặt vấn đề

Trong ba mươi năm đầu thế kỷ XX, dưới tác động của hai cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp (1897-1914 và 1919-1929), kinh tế - xã hội Việt Nam có những biến đổi lớn. Cũng trong thời gian

này, đội ngũ trí thức tân học hình thành, ngày càng đông đảo về số lượng.

Đầu thế kỷ XX, trước sự bắt lức của khuynh hướng cứu nước theo lập trường phong kiến và yêu cầu mới của lịch sử, nhiều sĩ phu, trí thức tân học yêu nước

đương thời đã nhận thấy sự lỗi thời của thiết chế cũ về mọi mặt. Quan niệm “trung quân ái quốc”, đặc biệt được đề cao vào thời kì Cần Vương không thể là phương thức cứu nước, cứu dân hiệu quả. Đúng lúc đó, tinh thần mới từ *Tân thư, Tân văn* của Trung Quốc, thành công của cuộc duy tân ở Nhật Bản và những tư tưởng mới tiến bộ từ phương Tây dội mạnh vào Việt Nam. Đây được xem là tiền đề đưa đến sự chuyển biến trong nhận thức, tư tưởng của trí thức Việt Nam nói chung, trí thức Nam Kỳ nói riêng. Họ mạnh dạn tiếp thu, khởi xướng, lãnh đạo phong trào yêu nước theo khuynh hướng mới - khuynh hướng dân chủ tư sản. Thông qua phong trào Minh Tân, trí thức yêu nước Nam Kỳ đã có những đóng góp tích cực trong cuộc vận động Đông Du và Duy Tân, làm cho phong trào Đông Du ở Nam Kỳ diễn ra mạnh mẽ nhất so với các địa phương khác trên cả nước. Mặc dù Minh Tân ở Nam Kỳ thất bại nhưng đã góp phần quan trọng vào công cuộc thực sản hưng nghiệp, chấn dân khí, nâng cao dân trí, tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở Nam Kỳ.

Vào giữa thập niên 20 của thế kỷ XX, phong trào dân chủ ở Nam Kỳ do trí thức tiểu tư sản khởi xướng, lãnh đạo mặc dù diễn ra với nhiều hình thức mới mẻ, phong phú, sôi nổi nhưng vẫn chưa giành được thắng lợi cuối cùng là giải phóng nhân dân, đất nước khỏi ách thống trị của thực dân và phong kiến tay sai. Cũng trong thời gian này, dưới ảnh hưởng của phong trào cách mạng thế giới, đặc biệt là thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười ở Nga (1917), với sự nhạy cảm chính trị, thức thời, được dìu dắt bởi Nguyễn Ái Quốc, nhiều trí thức yêu nước đã sớm tiếp nhận tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin, trở thành tầng lớp tiên phong trong việc truyền bá tư tưởng cách

mạng vào trong nước (Nguyễn Văn Khánh, 2016, tr.137), góp phần quan trọng đưa đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam vào đầu năm 1930.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Sự ra đời của đội ngũ trí thức mới ở Nam Kỳ cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX

Cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, dưới ảnh hưởng của chính sách cai trị của thực dân Pháp và sự du nhập làn sóng tư tưởng tiến bộ từ bên ngoài vào Việt Nam, có thể thấy rất rõ, văn hóa Việt Nam tiếp xúc, giao thoa mạnh mẽ với văn hóa phương Tây, đặc biệt là văn hóa Pháp. Theo đó, nhận thức, tư tưởng của giới trí thức cũng có sự chuyển biến rất lớn, mang những yếu tố thời đại.

Chứng kiến sự thất bại của ý thức hệ nho giáo trong nhiệm vụ đấu tranh giải phóng dân tộc, đứng trước sự du nhập của làn sóng văn minh mới, một bộ phận sĩ phu yêu nước tuy xuất thân từ “cửa Khổng sân Trình”, tinh thông Hán học đã vượt qua rào cản của ý thức hệ nho giáo, mạnh dạn tiếp thu những tư tưởng mới tiến bộ, bước lên vũ đài chính trị, tiếp tục giữ vai trò tiên phong trong phong trào yêu nước chống thực dân Pháp xâm lược vào đầu thế kỷ XX. Tiêu biểu cho thế hệ sĩ phu cấp tiến ở Nam Kỳ giai đoạn này, phải kể đến các nhân vật trí thức nổi bật như: Đặng Thúc Liêng, Nguyễn Thành Hiến, Nguyễn An Khương, Huỳnh Đình Điền, Nguyễn Quang Diêu,...

Ngoài bộ phận trí thức nho học cấp tiến, đội ngũ trí thức tân học cũng dần hình thành và ngày càng phát triển đông đảo ở Nam Kỳ. Đó là kết quả của quá trình thực dân Pháp thiết lập nền giáo dục Tây học nhằm thay thế cho nền giáo dục truyền thống ở đây, với mục đích đào tạo một lực lượng lớn nhân sự phục vụ cho công cuộc

xâm lược, bình định và cai trị lâu dài của chính quyền thực dân đối với Việt Nam.

Sau khi chiếm trọn Lục tỉnh Nam Kỳ, thực dân Pháp bỏ hẳn kỳ thi Hương¹, đồng thời cho mở một số trường học, đẩy mạnh truyền bá chữ quốc ngữ la tinh và chữ Pháp nhằm loại bỏ nho học cũng như xóa bỏ tầm ảnh hưởng của các sĩ phu yêu nước trong nhân dân.

Trong khoảng 20 năm đầu kể từ khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược Nam Kỳ (1859), bên cạnh việc thành lập một số trường tiểu học để dạy chữ quốc ngữ và toán học cho học sinh, thực dân Pháp đã cho mở một số trường thông ngôn nhằm đào tạo những người làm công tác thông dịch, phiên dịch phục vụ cho chính quyền thực dân. Về mảng đào tạo này, có thể kể đến các trường như: Collège d'Adran còn gọi là Trường Bá Đa Lộc được xây dựng vào năm 1861; Trường An Nam còn gọi là Trường Thông ngôn (Collège Annamite hay Collège des interprètes) được xây dựng vào năm 1862.

Để đào tạo đội ngũ giáo viên và công chức phục vụ cho bộ máy cai trị, trong các năm 1871, 1873, thực dân Pháp lần lượt cho xây dựng các trường: Sư phạm thuộc địa (École Normale Coloniale) đào tạo giáo viên; Trường Hậu bổ (Collège des Stagiaires) đào tạo nhân viên hành chính phục vụ cho chính phủ thuộc địa Pháp ở Nam Kỳ.

Ở bậc trung học, năm 1874, thực dân Pháp cho xây dựng trường Chasseloup Laubat². Đây là trường trung học được xây dựng sớm nhất ở Nam Kỳ nhằm mục đích dạy học cho con em người Pháp, con em viên chức làm việc cho Pháp và con em một số gia đình người Việt. Đáng chú ý, ngôi trường này là nơi quy tụ nhiều học sinh ưu tú của vùng đất Nam Kỳ thời đó như Cao Triều Phát, Nguyễn An Ninh, Phan Văn Chương, Trần Văn Giàu, Nguyễn Văn

Hương, Lưu Văn Lang, Phạm Quang Lễ³,...

Nếu xét về kết quả bước đầu của nền giáo dục Tây học do người Pháp thiết lập trên vùng đất Nam Kỳ, một số trường như trường Bá Đa Lộc, trường tư thực Lasan Taberd⁴ cũng đã đào tạo được nhiều trí thức tân học, bổ sung vào lực lượng công chức người bản xứ phục vụ cho bộ máy cai trị của thực dân Pháp ngay trên vùng đất này (Nguyễn Đình Tư, 2018, tr.456-457).

Dưới tác động của những thay đổi trong chính sách giáo dục của thực dân Pháp ở Nam Kỳ vào cuối thế kỷ XIX, cùng với hai cuộc cải cách giáo dục ở Đông Dương dưới thời Toàn quyền Paul Beau vào năm 1906 và Toàn quyền Albert Sarraut vào năm 1917, nền giáo dục tân học ở Nam Kỳ đã có những bước phát triển mới. Đặc biệt, sau cải cách giáo dục lần thứ hai, nền giáo dục nho học ở Nam Kỳ chính thức bị xóa bỏ, thay vào đó là hai hệ thống: trường Pháp và trường Pháp - Việt (gồm các bậc: mẫu giáo, tiểu học, trung học, cao đẳng hay đại học và các trường thực nghiệp).

Ở bậc cao đẳng và đại học, thực dân Pháp cho xây dựng các trường như: Đại học Đông Dương; Cao đẳng Sư phạm, Công chính, Thương mại, Thú y, Canh nông,.... Các cơ sở giáo dục này đã đào tạo được một đội ngũ trí thức tân học với trình độ cao và số lượng ngày càng đông đảo, góp phần bổ sung nguồn nhân sự hành chính cho bộ máy cai trị của chính quyền thực dân (Nguyễn Văn Khánh, 2016, tr.73-76).

Trong giai đoạn cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, trong số những trí thức tân học được đào tạo từ nhà trường thực dân, có người ra làm việc cho Pháp, nhưng cũng có nhiều thanh niên trí thức tuy học ở trường của Pháp tại Nam Kỳ, hoặc sang Pháp du học (theo diện tự do hoặc theo học bổng của chính phủ Pháp) trở về, với tinh thần

yêu nước, bằng nhiều hình thức khác nhau đã tham gia tích cực vào cuộc vận động giải phóng dân tộc. Thực tế này rõ ràng trái với ý đồ của người Pháp khi nhanh chóng xóa bỏ nền giáo dục nho học, đầu tư phát triển nền giáo dục Tây học ở Nam Kỳ nói riêng và Việt Nam nói chung.

Mặc dù mục đích của thực dân Pháp khi thiết lập nền giáo dục Tây học ở Việt Nam là để đào tạo tay sai, đồng hóa, ngu dân, nhưng cũng phải thừa nhận rằng, chương trình giáo dục của nhà trường thực dân ít nhiều thể hiện mặt tích cực trong việc rèn luyện cho học sinh tính kỷ luật, ý thức học tập, bồi dưỡng khả năng tư duy khoa học, sáng tạo, chủ động.

Trong những thập niên đầu thế kỷ XX, cùng với đội ngũ sĩ phu cấp tiến, nhiều trí thức yêu nước tân học ở Nam Kỳ đã mạnh dạn tiếp thu những tư tưởng cách mạng tiến bộ, tích cực tham gia vào cuộc vận động cứu nước, tiếp tục là lực lượng khởi xướng, tiên phong trong phong trào dân tộc dân chủ ở Nam Kỳ với nhiều hình thức đấu tranh mới mẻ, phong phú và sôi nổi.

2.2. Chuyển biến tư tưởng trong trí thức yêu nước Nam Kỳ thập niên đầu thế kỷ XX

Đầu thế kỷ XX, bằng nhiều con đường khác nhau, một số sách báo như *Tân thư*, *Tân văn* từ Trung Quốc được đưa vào Việt Nam. Qua đó, những trào lưu tư tưởng tiên bộ của phong trào cách mạng Pháp, Nhật Bản, Trung Quốc,... được truyền bá vào nước ta. Tầng lớp nho sĩ, nhất là quan lại trong triều đình là những người tiếp cận đầu tiên những loại sách báo trên. Trước hết, phải kể đến cuộc duy tân của Minh Trị Thiên Hoàng ở Nhật Bản (1868) vốn có sức hấp dẫn đặc biệt đối với sĩ phu tiến bộ. Chính nhờ công cuộc duy tân mà Nhật Bản chuyển mạnh sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc, thoát khỏi nguy cơ bị biến thành

thuộc địa của phương Tây. Các thuyết về “nhân đạo”, “dân quyền” cùng với tư tưởng triết học ánh sáng từ đại Cách mạng tư sản Pháp (1789) với các đại biểu tiên bộ như Voltare, Montesquieu, Rousseau,...; cuộc vận động duy tân ở Trung Quốc (1898) với hai nhân vật khởi xướng tiêu biểu là Lương Khải Siêu và Khang Hữu Vi; cuộc vận động cách mạng tư sản với tư tưởng “Tam dân” của Tôn Trung Sơn,... được các sĩ phu cấp tiến tiếp nhận, xem là nguồn ánh sáng mới soi đường cho họ tiếp tục cuộc vận động giải phóng dân tộc theo khuynh hướng mới (Tôn Trung Sơn, 2023, tr.9).

Có thể nhận thấy, trong *Tân thư* và *Tân văn*, tư tưởng tự do dân chủ và tư tưởng đấu tranh sinh tồn là hai nội dung cơ bản được thể hiện rất rõ nét. Những sĩ phu yêu nước như: Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Quyền, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng, Lương Văn Can,... đã tìm thấy sự liên quan mật thiết giữa hai nội dung trên với hai nhiệm vụ chống phong kiến và chống đế quốc - là yêu cầu cấp thiết đối với Việt Nam lúc bấy giờ mà các phong trào yêu nước theo lập trường phong kiến trước đó chưa thể giải quyết được.

Nhận định về giá trị của *Tân thư*, *Tân văn* đối với sự chuyển biến tư tưởng trong giới sĩ phu Việt Nam, báo Thần Chung (Sài Gòn), số ra ngày 25-1-1929 đã khẳng định:

“*Tập Ấm* bằng với sĩ phu Việt Nam lúc nọ chẳng khác chi thang thuốc hay với người mang bệnh “trâm kha”, còn Trung Quốc hẳn là một tập sách vài mươi trang mà thay đổi lòng người như chớp, một tập sách nói chuyện nước Tàu mà làm cho hai mươi triệu dân Nam phần khởi... đã đánh thức đám sĩ phu ta, gần như trực tiếp, vì trong đó nói chuyện nước Tàu mà có nhiều chỗ trùng bệnh người mình lắm” (Trần Văn Giàu, 1975, tr. 27-28).

Philippe Devillers - một nhà nghiên

cứu người Pháp cũng đã khẳng định ảnh hưởng và tác động tất yếu của phong trào “Châu Á thức tỉnh” qua *Tân thư*, *Tân văn* đối với sự chuyển biến tư tưởng và tinh thần yêu nước của nhân dân Việt Nam: “Sớm hay muộn gì thì nhân dân cũng sẽ làm cho tiếng nói của mình về những gì mình muốn có đến được tai người nghe... và bối cảnh quốc tế, sự trỗi dậy của Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ sẽ tham gia vào việc đó” (Philippe Devillers, 2006, tr. 618).

Tiếng dội của phong trào “Châu Á thức tỉnh” từ các cuộc cách mạng tư sản, các cuộc vận động duy tân cùng với làn sóng *Tân thư*, *Tân văn*, đã đem lại sự chuyển biến to lớn trong nhận thức chính trị và những quan niệm mới mẻ về dân tộc, dân chủ cho một bộ phận sĩ phu thức thời Việt Nam vào đầu thế kỷ XX. Khi tiếng súng Cần Vương chấm dứt sau khởi nghĩa Hương Khê thất bại (1896), trong lúc các sĩ phu yêu nước không khỏi bùi ngùi chứng kiến sự bất lực của khuynh hướng cứu nước theo lập trường phong kiến, thì *Tân thư*, *Tân văn* được truyền bá vào Việt Nam “như là một hồi chuông tỉnh mộng, một ánh sáng soi đường” (Chương Thâu, 2007, trang 198), cổ vũ mạnh mẽ tinh thần độc lập dân tộc, dân chủ trong bộ phận nho sĩ cấp tiến yêu nước đương thời.

Yêu nước, thức thời và nhạy bén trước thời cuộc, các sĩ phu như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Lương Văn Can,... đã hồ hởi đón nhận tư tưởng cứu nước mới, mạnh dạn vượt qua rào cản của ý thức hệ phong kiến, noi gương Nhật Bản, Trung Quốc, tìm con đường đi mới cho dân tộc, từ đó khởi xướng con đường cứu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản. Ở Nam Kỳ, Phong trào Minh Tân (Minh đức Tân dân, kết hợp cả hai nhiệm vụ Đông Du và Duy Tân) do Trần Chánh Chiếu cùng với các nhà nho

cấp tiến như Nguyễn An Khương, Huỳnh Đình Điền, Nguyễn Thần Hiến, Nguyễn Quang Diêu,... lãnh đạo diễn ra vào đầu thế kỷ XX, vừa là sự tiếp nối những hoài bão canh tân của các sĩ phu thuộc thế hệ trước (như Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch,...) chưa thành hiện thực, vừa là kết quả của sự tiếp thu những tư tưởng mới mẻ, tiến bộ qua *Tân thư* và *Tân văn*, đóng góp quan trọng cả về tổ chức lẫn kinh tài trong phong trào Đông Du và Duy Tân ở Việt Nam đầu thế kỷ XX (Nguyễn Đình Tư, 2018, tr.144-147).

2.3. Sự phân hóa tư tưởng trong trí thức Nam Kỳ ở nửa cuối những năm 20 của thế kỷ XX

Trong những năm 20 của thế kỷ XX, ngoài bộ phận trí thức tân học được đào tạo từ các trường học do chính quyền thực dân thành lập ở Việt Nam, trí thức Nam Kỳ còn được bổ sung từ bộ phận trí thức trở về từ nước ngoài sau thời gian xuất dương cầu học, đặc biệt là từ Pháp. Được tiếp cận trực tiếp với nền văn minh phương Tây, cùng với khát vọng đấu tranh giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị của thực dân Pháp, trong thập niên 20 của thế kỷ XX, trí thức yêu nước Nam Kỳ tiếp tục tham gia vào cuộc vận động giải phóng dân tộc theo khuynh hướng dân chủ tư sản. Nam Kỳ trở thành trung tâm của nhiều hình thức đấu tranh mới như: đấu tranh nghị trường, diễn thuyết, thành lập các tổ chức chính trị và đảng phái (Đông Dương Lao động Đảng của Cao Triều Phát, Cao Hải Đễ; Đảng Thanh niên do Trần Huy Liệu, Bùi Công Trùng,... sáng lập; tổ chức Thanh niên Cao vọng của Nguyễn An Ninh,...) và các hình thức đấu tranh khác như: hoạt động báo chí, lập thư xã xuất bản sách, báo có nội dung yêu nước tiến bộ, mít-tinh,... đã huy động được một lực lượng đông đảo quần chúng, nhất là trí thức, sinh viên, học sinh tham

gia. Đây được xem là một trong những đặc điểm mới nổi bật của phong trào dân tộc dân chủ ở Nam Kỳ so với giai đoạn trước đó. Các phong trào đấu tranh với những hình thức mới mẻ trên góp phần truyền bá những tư tưởng cách mạng tiên bộ, thức tỉnh ý thức độc lập dân tộc và tinh thần dân chủ trong quần chúng, tập hợp nhân dân đấu tranh đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ và thúc đẩy tiến bộ xã hội.

Vào giữa thập niên 20 của thế kỷ XX, phong trào dân chủ ở Nam Kỳ diễn ra sôi nổi với nhiều sắc thái chính trị, nổi bật nhất là hai xu hướng cải lương và ôn hòa. Trong lúc tư tưởng cải lương, chủ trương Pháp - Việt đề huề của Đảng Lập hiến bị công kích dữ dội, Đông Dương Lao động Đảng không tập hợp được quần chúng vì chưa đủ uy tín dẫn đến tan rã, lãnh tụ Cao Triều Phát ra tranh cử Hội đồng Quản hạt đề “mượn đó làm đường tranh đấu” (Phan Văn Hoàng, 2001, tr. 66), nhưng không hiệu quả. Sau sự kiện này, Cao Triều Phát đã nhập môn Minh Chơn Đạo, rồi trở thành Đảng viên Đảng Cộng sản. Tổ chức Thanh niên Cao vọng mới manh nha hình thành, chưa thực hiện được mục tiêu đấu tranh nào thì Nguyễn An Ninh bị nhà cầm quyền thực dân bắt giam (đến đầu năm 1927, Nguyễn An Ninh được trả tự do, tiếp tục vận động để phát triển tổ chức này). Đảng Thanh niên với các trụ cột như Trần Huy Liệu, Bùi Công Trừng,... mặc dù khuấy động nhiều phong trào sôi nổi như: đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu, đòi thả Nguyễn An Ninh, tổ chức mít-tinh chống chủ trương Pháp - Việt đề huề của Đảng Lập hiến,... nhưng như đã nói ở trên, do tổ chức thiếu sự chặt chẽ, thiếu sự liên kết, “thích làm cách mạng nhưng chưa biết làm thế nào,... ngoài tâm huyết ra không có gì khác” (Trần Huy Liệu, 1991, tr.64,119) nên chỉ trong một thời gian ngắn đã bị thực

dân Pháp dùng mọi thủ đoạn, phương thức đàn áp. Vì lẽ đó, đến năm 1929, các đảng phái, tổ chức chính trị kể trên dần tan rã và mất bóng trên vũ đài chính trị trước sự khủng bố của chính quyền thực dân.

Đối với Đảng Thanh niên, theo nhận xét trong Hồi ký của Trần Huy Liệu, do việc kết nạp đảng viên quá dễ dãi, không có sự sàng lọc nên thành phần của Đảng Thanh niên khá phức tạp. Sau thất bại của cuộc vận động tổng đình công đòi thả nhà báo Nguyễn An Ninh, sự chia rẽ và phân hóa trong nội bộ Đảng Thanh niên diễn ra rất rõ rệt. Những trí thức là thành viên cốt cán của Đảng Thanh niên dần dần phân hóa thành nhiều bộ phận khác nhau: ngoài một số trí thức không tham gia vào hoạt động chính trị nữa (như Nguyễn Trọng Hy đã chuyển sang nghề dạy học); một số tham gia vào tổ chức Thanh niên Cao vọng của Nguyễn An Ninh (trong đó có Lê Văn Tâm hoạt động khá tích cực sau khi trở thành thành viên của tổ chức này); đặc biệt, phần lớn đảng viên Đảng Thanh niên gia nhập vào các tổ chức cách mạng mới ra đời như: Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Việt Nam Quốc dân Đảng, Tân Việt Cách mạng Đảng. Đáng chú ý, có nhiều người sau này đã lựa chọn đi theo Nguyễn Ái Quốc và trở thành đảng viên Đảng Cộng sản. Trong khi đó, một số đông trí thức trung lưu còn lại trong Đảng Thanh niên, được thực dân Pháp đáp ứng một số đòi hỏi về kinh tế, vì danh lợi trước mắt đã ngã theo Đảng Lập hiến của Bùi Quang Chiêu, ủng hộ chủ trương Pháp - Việt đề huề. (Trần Huy Liệu, 1991, tr. 87).

Riêng Trần Huy Liệu - một trong những yếu nhân của Đảng Thanh niên đã tự thuật về sự chuyển biến trong tư tưởng của mình khi viết lời nói đầu của cuốn *Thân thế và sự nghiệp của Lương Khải Siêu do Cường học thư xã* (cũng do Trần

Huy Liệu sáng lập) xuất bản:

“Năm 1927, Cường học thư xã xuất hiện sau lần tôi ra tù lần thứ nhất. Cái tên Cường học mà tôi mang đặt cho thư xã là phỏng theo Cường học hội của Lương Khải Siêu... Tiên sinh đã sống nhiều với tôi. Bây giờ đây, trên con đường tiến triển của tư tưởng, tôi sắp cáo từ tiên sinh để tiến lên, nhưng vẫn mang ở tiên sinh một cảm tình đầm thắm” (Trần Huy Liệu, 1991, tr. 30).

Với xuất phát điểm là một nho sinh, Trần Huy Liệu sớm tiếp thu tư tưởng khai phóng của cuộc cách mạng tư sản Pháp, của các nhà cải cách Trung Quốc, đặc biệt là Lương Khải Siêu, cũng như tư tưởng của các sĩ phu cấp tiến như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, rồi tiến lên một bước, đến với tư tưởng tam dân của Tôn Trung Sơn. Trần Huy Liệu gia nhập Việt Nam Quốc dân Đảng (1927), bị bắt giam ở Khám lớn Sài Gòn và bị chuyển đến nhà tù Côn Lôn (1928-1934), được giác ngộ trở thành đảng viên Đảng Cộng sản vào năm 1936. Đây rõ ràng là những bước chuyển biến liên tục, tiến bộ trong tư tưởng của Trần Huy Liệu.

Sau những cuộc bãi khóa trong phong trào đòi thả Phan Bội Châu và để tang Phan Châu Trinh, một số đông trí thức, sinh viên, học sinh Nam Kỳ đã tìm đường ra nước ngoài để học làm cách mạng (Trần Huy Liệu, 1991, tr. 83). Trong thời điểm này, Quảng Châu là nơi đang diễn ra cao trào chống đế quốc và chống phong kiến mạnh mẽ của công nhân, nông dân, sinh viên, học sinh Trung Quốc. Đây cũng là nơi tụ họp của các trí thức yêu nước Việt Nam (trong đó có Phan Bội Châu và các trí thức trẻ như Lê Hồng Sơn, Hồ Tùng Mậu, Phạm Hồng Thái,...) xuất dương sau thất bại của phong trào Đông Du và Duy Tân, để tìm một con đường cứu nước mới. Nhiều trí thức trẻ đến từ Nam Kỳ, với tinh

thần yêu nước và khát vọng giải phóng dân tộc (trong đó có Phan Trọng Bình, Nguyễn Văn Lợi) đã tham gia vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (do Nguyễn Ái Quốc sáng lập vào tháng 6-1925), đi theo chủ nghĩa Mác-Lênin và con đường cách mạng vô sản (Ban Chấp hành Đảng bộ TP.HCM, 2014, 46).

Sau khi Nguyễn An Ninh trở về từ Pháp, tham gia vào phong trào đấu tranh dân chủ ở Sài Gòn (1923), cho đến khi xuất bản cuốn *La France en Indochine (Nước Pháp ở Đông Dương)*⁵ (năm 1925), thậm chí đến năm 1927, mặc dù công kích mạnh mẽ chính quyền thực dân ở Đông Dương, nhưng Nguyễn An Ninh vẫn chủ trương ôn hòa, tránh xung đột và “cố gắng dung hòa giữa quyền lợi của người Pháp và nguyện vọng của nhân dân An Nam” (Nguyễn An Tịnh, 1996, tr. 139).

Trong *La France en Indochine*, Nguyễn An Ninh cho rằng, nước Pháp cộng hòa ở chính quốc không giống như chính quyền thực dân ở Đông Dương. Ông hy vọng “nước Pháp cộng hòa sẽ đến với Đông Dương, để thay thế cho lũ người thực dân”, bởi vì “người An Nam có quyền đòi hỏi nước Pháp mang đến cho xứ Đông Dương luật pháp và một thanh gươm để phục vụ cho luật pháp đó (Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, 2009, tr. 85). Theo Nguyễn An Ninh, “những người An Nam được đào tạo bởi các trường học của Pháp chỉ muốn cho dân tộc mình một sự tiến hoá từ từ và chắc chắn dưới chủ quyền của nước Pháp, để đi dần đến hình thức lập hiến của các quốc gia châu Âu” (Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, 2009, tr. 98).

Rõ ràng, cho đến khi viết cuốn sách trên, Nguyễn An Ninh chỉ hướng đến mục tiêu đòi dân chủ, dân quyền và chấp nhận chủ quyền của Pháp ở Đông Dương. Ông mong muốn có một nước Pháp thực sự ở

Đông Dương với hệ thống luật pháp đang được thực thi ở chính quốc, song điều này là không tưởng.

Từ sau khi Nguyễn An Ninh bị thực dân Pháp bắt lần thứ nhất và được trả tự do (7-1-1927), dưới tác động của nhiều yếu tố, trong đó có sự phê phán gay gắt của các nhà cách mạng và hoạt động chính trị đối với chính sách Pháp - Việt đề huề trên báo chí như: các bài viết của Nguyễn Ái Quốc trên *Le Paria* và *Thanh Niên*, của Phan Văn Trường trên *La Cloche Fêlée* và *L'Annam*, hay tuyên bố của Phan Bội Châu: “*Đề huề chi mà đề huề/ Oán thù ta hãy còn lâu/ Trồng tre nên gậy gặt đâu đánh quê*” (Nguyễn Phan Quang - Phan Văn Hoàng, 1995, tr.120),... cùng với sự ra đời của các tổ chức cách mạng theo khuynh hướng vô sản ở Việt Nam, Nguyễn An Ninh bắt đầu đề cập đến vấn đề độc lập dân tộc. Cũng từ đây, lập trường chống Pháp của Nguyễn An Ninh càng ngày càng quyết liệt.

Trong bài viết “*Lời tự sự của một kẻ cùng đinh*” (*L'Annam*, số 178, ra ngày 25-7-1927), nhắc lại một truyện ngụ ngôn của La Fontaine, Nguyễn An Ninh cho rằng, “chiếc bình đất (ám chỉ An Nam) không thể đi chung với chiếc bình sắt (ám chỉ Pháp)” vì sẽ bị “chiếc bình sắt này làm bể thành từng mảnh”, vì vậy, “chúng ta chỉ nên liên kết với những người đồng hàng với chúng ta” (Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, 2009, tr. 681). Nội dung bài viết trên đã cho thấy sự thay đổi trong nhận thức của Nguyễn An Ninh về thực chất của chủ nghĩa thực dân và huyền thoại “Pháp - Việt đề huề” của thực dân Pháp. Nguyễn An Ninh đã có sự “tiến hóa liên tục” (chữ dùng của Hà Huy Giáp) và tiến một bước dài trong tư tưởng. Việc Nguyễn An Ninh phát triển Thanh niên Cao vọng, chuẩn bị lực lượng, giới thiệu nhiều thành viên ưu tú

của tổ chức này cho An Nam Cộng sản Đảng và Đảng Cộng sản Việt Nam sau này cho thấy, Nguyễn An Ninh đã chuyển từ quan điểm “tiến hoá” và ôn hòa, vượt qua hệ tư tưởng tư sản, đến ngưỡng cửa hệ tư tưởng vô sản (Trương Văn Chung & Doãn Chính, 2005, tr.344).

Trước sự phát triển của cách mạng thế giới, nhất là ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười Nga và chủ nghĩa cộng sản, nhận thức và thái độ chính trị của đội ngũ trí thức ở Việt Nam nói chung, Nam Kỳ nói riêng đã có sự chuyển biến mạnh mẽ. Chứng kiến thái độ thỏa hiệp, sự xích lại ngày càng gần nhau hơn giữa Đảng Lập hiến và thực dân Pháp từ sau khi Bùi Quang Chiêu công khai tuyên bố ủng hộ chủ trương Pháp - Việt đề huề, trí thức yêu nước Nam Kỳ không chỉ chĩa mũi nhọn đấu tranh vào thực dân Pháp, mà còn chống cả Đảng Lập hiến và tay sai. Vào cuối thập niên 20 của thế kỷ XX, khi huyền thoại Pháp - Việt đề huề bị công kích dữ dội và ngày càng lộ rõ bản chất mị dân của nó, thì xu hướng cải lương không còn có điều kiện phát triển như trước nữa. Thực tế cũng cho thấy, chủ trương đề huề không mang lại kết quả tốt đẹp cho chính những người ủng hộ nó. Như vậy, trải qua quá trình sàng lọc nghiêm khắc của lịch sử, “sự hỗn loạn” trong tư tưởng và đấu tranh tư tưởng “dàn tan đi” (Trần Văn Giàu, 1975, tr. 422). Kể từ đây, trí thức yêu nước Nam Kỳ cũng như lực lượng trí thức cả nước chủ yếu đứng trước hai sự lựa chọn giữa hai khuynh hướng cách mạng: tư sản và vô sản trong hành trình tham gia cuộc vận động giải phóng dân tộc.

Chịu ảnh hưởng của tư tưởng “Tam dân” của Tôn Trung Sơn, một bộ phận trí thức Nam Kỳ đã tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc theo khuynh hướng cách mạng tư sản dưới ngọn cờ của Việt

Nam Quốc dân Đảng (ra đời vào tháng 12-1927). Trong khi đó, một bộ phận đông đảo trí thức của cả nước đã gia nhập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (ra đời vào tháng 6-1925), lựa chọn con đường cứu nước theo khuynh hướng cách mạng vô sản do Nguyễn Ái Quốc khởi xướng.

Mặc dù đã gia nhập Việt Nam Quốc dân Đảng, nhưng chứng kiến sự lớn mạnh của phong trào cộng sản trên thế giới cũng như ảnh hưởng của khuynh hướng cách mạng vô sản đối với Việt Nam, với sự nhạy bén, thức thời, một số trí thức trong tổ chức này đã bị thu hút và đã cảm nhận được tính đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lênin, chân lý lớn nhất của thời đại. Tuy nhiên, do bị giằng xé bởi quan niệm “tôi trung không thờ hai chúa”, “vẫn có người phải vật lộn một cách vất vả trong tư tưởng mới vượt qua được vòng cương tỏa của đảng họ, để đến với Đảng Cộng sản” (Đình Trần Dương, 2002, tr. 97). Như đã đề cập ở trên, nhận thấy sự bất lực của khuynh hướng cứu nước theo lập trường tư sản, bản thân Trần Huy Liệu khi bị lưu đày ở Côn Đảo đã có sự chuyển biến lớn về nhận thức, tư tưởng, được giác ngộ và tuyên bố ly khai với Quốc dân Đảng, trở thành đảng viên Đảng Cộng sản.

Trong những năm 1925-1928, cùng với sự ra đời của ba tổ chức cách mạng ở Việt Nam: Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Việt Nam Quốc dân Đảng, Tân Việt Cách mạng Đảng, cuộc đấu tranh tư tưởng để lựa chọn con đường giải phóng dân tộc giữa hai khuynh hướng tư sản và vô sản diễn ra ngày càng gay gắt (trong thực tế, ngay trong nội bộ của Tân Việt Cách mạng Đảng cũng không có sự thuận nhất về tư tưởng, cũng đã diễn ra sự phân hóa, đấu tranh quyết liệt giữa hai khuynh hướng tư sản và vô sản). Những trí thức trẻ

trong Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, trong đó có lực lượng trí thức yêu nước Nam Kỳ lựa chọn đi theo Nguyễn Ái Quốc đã cùng với Người vừa phải tiến hành cuộc đấu tranh về lý luận và tư tưởng, khẳng định những nguyên tắc cách mạng Mác - Lênin trong công cuộc giải phóng dân tộc, vừa phải xây dựng và phát triển tổ chức, đồng thời tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam để chuẩn bị các điều kiện cần thiết tiến tới thành lập Đảng Cộng sản, đưa cách mạng đi đến thành công.

Những chuyển biến lớn trong nhận thức và tư tưởng của trí thức yêu nước Nam Kỳ cũng đã để lại dấu ấn sâu đậm trong hành trình vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Kết luận

Trong 30 năm đầu thế kỷ XX, dưới tác động của nhiều yếu tố khách quan, cùng với hoàn cảnh lịch sử đặc biệt của đất nước, trong đội ngũ trí thức Nam Kỳ đã diễn ra 2 chặng chuyển biến lớn về nhận thức, tư tưởng:

Thứ nhất, vào thập niên đầu của thế kỷ XX, dưới tác động của làn sóng tư tưởng dân chủ tư sản từ phương Tây, Trung Quốc, Nhật Bản, đồng thời chứng kiến sự thất bại của phong trào kháng Pháp theo lập trường phong kiến, bộ phận trí thức nho học cấp tiến và trí thức tân học ở Nam Kỳ đã mạnh dạn tiếp thu, khởi xướng phong trào yêu nước theo khuynh hướng mới, hưởng ứng mạnh mẽ phong trào Duy Tân, Đông Du thông qua cuộc Minh Tân. Mặc dù chưa giành được thắng lợi cuối cùng là giải phóng được dân tộc khỏi ách thống trị của thực dân Pháp, nhưng Minh Tân ở Nam Kỳ đã cho thấy bước tiến vượt bậc trong nhận thức tư tưởng của trí thức yêu nước Nam Kỳ, góp phần thổi bùng lên ý

thức độc lập dân tộc, dân chủ, cùng với tinh thần thực sản hưng nghiệp, tạo ra mảnh đất thuận lợi cho việc gieo mầm hệ tư tưởng mới - chủ nghĩa Mác-Lênin vào vùng đất Nam Kỳ.

Thứ hai, trong thập niên 20 của thế kỷ XX, dưới ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười Nga, cùng với những tác động lớn từ hai chương trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, trước những thất bại của phong trào yêu nước theo lập trường dân chủ tư sản, trải qua những khảo nghiệm trong thực tiễn đấu tranh và sự sàng lọc của lịch sử, nhận thức, tư tưởng của trí thức yêu nước Nam Kỳ cũng đã có sự biến chuyển lớn và phân hóa sâu sắc hơn giai đoạn trước đó. Họ đã lựa chọn nhiều con đường phát triển khác nhau. Nổi bật nhất, trong số trí thức yêu nước tiếp tục tham gia vào cuộc vận động giải phóng dân tộc, đã diễn ra sự lựa chọn giữa hai khuynh hướng: tư sản và vô sản. Với sự nhạy bén, nhận thức được tính đúng đắn và tính thời đại của chủ nghĩa Mác - Lênin, nhiều trí thức trẻ yêu nước Nam Kỳ đã lựa chọn đi theo con đường cách mạng vô sản.

Những chuyển biến quan trọng trong nhận thức, tư tưởng của trí thức yêu nước ở Nam Kỳ ba mươi năm đầu thế kỷ XX cho thấy, trí thức Nam Kỳ nói riêng, trí thức Việt Nam nói chung luôn là lực lượng thức thời, năng động và mẫn cảm chính trị. Với tinh thần yêu nước, họ là lực lượng tiên phong, khởi xướng, lãnh đạo phong trào yêu nước và cách mạng, góp phần quan trọng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và phát triển đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ban Chấp hành Đảng bộ TP.Hồ Chí Minh. (2014). *Lịch sử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh (1930-1945)*. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội.

CHÚ THÍCH

¹ Từ năm 1813 đến năm 1864, có tất cả 20 khoa thi Hương được tổ chức ở Nam Kỳ, trong đó có 19 khoa thi được tổ chức ở trường thi Gia Định. Năm 1859, thực dân Pháp đánh chiếm Gia Định, trường thi này phải đóng cửa, nhà Nguyễn cho mở tiếp một khoa thi ở trường thi An Giang vào năm 1864 và đây cũng là khoa thi Hương cuối cùng ở Nam Kỳ (Cao Xuân Dục, 1993, tr.80-90).

² Trường Chasseloup Laubat nay là trường Lê Quý Đôn, tọa lạc tại số 110 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

³ Phạm Quang Lễ được trường Chasseloup Laubat cấp học bổng du học ở Pháp, trở thành kỹ sư và làm việc tại Pháp, Đức. Sau chuyển đi Pháp của Chủ tịch Hồ Chí Minh (1946), Phạm Quang Lễ theo Bác về nước tham gia tổ chức, chế tạo vũ khí phục vụ kháng chiến và được Bác đặt tên mới là Trần Đại Nghĩa.

⁴ Trường tư thực Lasan Taberd nay là trường Trần Đại Nghĩa, tọa lạc tại số 20, Lý Tự Trọng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

⁵ *La Cloche Fêlée* bị đình bản (14-7-1924), Nguyễn An Ninh chuyển sang viết cuốn *La France en Indochine (Nước Pháp ở Đông Dương)*, tiếp tục công kích chính quyền thực dân. Tác phẩm được in và phát hành ở Paris vào tháng 4-1925. Khi *La Cloche Fêlée* được tục bản, từ số 20 (26/11/1925) đến số 23 (7/12/1925) của tờ báo đã đăng toàn bộ nội dung cuốn sách này. Có nhiều bản dịch tác phẩm này ra tiếng Việt. Trong luận án, chúng tôi sử dụng bản dịch của Nguyễn Thị Bình, in trong: Trung tâm nghiên cứu quốc học (2009), *Nguyễn An Ninh - Tác phẩm*, Nxb Văn học, tr.80-99.

- Cao Xuân Dục. (Nguyễn Thúy Nga -Nguyễn Thị Lâm dịch, Cao Tự Thanh hiệu đính và giới thiệu, 1993). *Quốc triều hương khoa lục*. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chương Thâu. (2007). *Góp phần tìm hiểu Nho giáo - nho sĩ - trí thức Việt Nam trước năm 1945*. Nxb Văn hóa Thông tin - Viện Văn hóa. Hà Nội.
- Đinh Trần Dương. (2002). *Sự chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam trong ba mươi năm đầu thế kỉ XX*. Nxb Đại học Quốc gia. Hà Nội.
- Huỳnh Thúc Kháng. (1957). *Bức thư bí mật của cụ Huỳnh Thúc Kháng trả lời cụ Kỳ Ngoại Hầu Cường Để*. Nxb Anh Minh.
- Nguyễn Văn Khánh. (2016). *Trí thức Việt Nam trong tiến trình lịch sử dân tộc*. Nxb Chính trị quốc gia.
- Nguyễn An Tịnh. (1996). Nguyễn An Ninh. Nxb Trẻ. Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Phan Quang - Phan Văn Hoàng. (1995). *Luật sư Phan Văn Trường*. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Đình Tư. (2018). *Chế độ thực dân Pháp trên đất Nam Kỳ (1859-1954)*, Tập 1. Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Đình Thông, Hồ Sơn Diệp. (2018). *Trí thức Nam Bộ từ cuối thế kỷ XIX đến 1975 - Một số đặc điểm và nhân vật tiêu biểu*. Nxb Văn hóa - Văn Nghệ.
- Philippe Devillers. (Ngô Văn Quỹ dịch, 2006). *Francais et Annamites -Partenaires ou ennemis? 1856-1902 - Người Pháp và người Annam - bạn hay thù*. Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- Phan Văn Hoàng. (2001). *Cao Triều Phát nghĩa khí Nam Bộ*. Nxb Trẻ. Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tôn Trung Sơn. (2023). *Chủ nghĩa tam dân - Triết lý chính trị của người sáng lập Trung Hoa Dân quốc* (Nhượng Lê dịch). Nxb Hồng Đức.
- Trần Văn Giàu. (1975). *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỉ XIX đến Cách mạng tháng Tám* - Tập II. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội.
- Trần Huy Liệu. (Phạm Như Thơm biên soạn, 1991). *Hồi ký Trần Huy Liệu*. Nxb Khoa học Xã hội.
- Trung tâm Nghiên cứu Quốc học. (2009). *Nguyễn An Ninh - Tác phẩm*. Nxb Văn học.
- Trương Văn Chung - Doãn Chính. (2005). *Bước chuyển tư tưởng Việt Nam cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX*. Nxb Chính trị Quốc gia.

Ngày nhận bài: 02/12/2024

Ngày chấp nhận đăng: 24/02/2025